

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **159/2019/DS-ST**
Ngày 20/6/2019
V/v tranh chấp “Đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Nghĩa

Bà Dương Thị Thu Vân

-Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Không có

Ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/QĐST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: 10.21 khối A2, chung cư H B P – T B, khu phố 4, đường G D, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Trần Hữu L, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: 47/1 ấp C, thị trấn T H, huyện Châu Thành, Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đoàn Thanh N, sinh năm 1984; Địa chỉ: 77/6 H T K, Phường 1, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. (Anh Nhã ủy quyền cho chị T theo giấy ủy quyền ngày 13/3/2019 tại UBND Phường 11, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/11/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc T trình bày:

Khoảng tháng 8/2015, được sự giới thiệu của nhân viên nhà máy gạch M X nên chị có quen biết với anh Trần Hữu L là người chuyên kinh doanh vật liệu xây dựng và có công ty riêng. Trong thời gian quen biết, anh L có đề nghị chị hợp tác để kinh doanh cá nhân riêng về vật liệu xây dựng, cụ thể là cung cấp gạch cho một số nhà thầu. Sau thời gian điện thoại qua lại thì anh L có cam kết nếu hợp tác góp vốn làm ăn với anh L thì sau 02 đến 03 ngày khách hàng thanh toán tiền hàng, anh L sẽ trả lại tiền đã góp và lợi nhuận cho chị (lợi nhuận tính theo từng hợp đồng bán gạch cho khách), nếu đồng ý hợp tác thì chuyển tiền vào tài khoản của anh L. Tháng 11/2016 anh L điện thoại nói rằng đang cung cấp vật liệu xây dựng cho người ta xây khách sạn nhưng thiếu tiền nên yêu cầu chị góp vào 240.000.000đồng, anh L sẽ chia cho chị 50% lợi nhuận. Do tin tưởng anh L nên chị đã đồng ý và chuyển tiền vào tài khoản số 0103413190 của anh L tại Ngân hàng Đông Á chi nhánh tỉnh Tiền Giang làm 03 đợt: đợt 01 ngày 08/11/2016 chuyển 100.000.000đồng, đợt 02 ngày 10/11/2016 chuyển 100.000.000đồng và đợt 03 ngày 11/11/2016 chuyển 40.000.000đồng, trong đó đợt 01 và đợt 02 chị nhờ chồng là anh Đoàn Thanh N chuyển giúp, đợt 03 do chị đi chuyển.

Khoảng một tuần lễ sau chị có điện thoại cho anh L để yêu cầu hoàn trả lại tiền vốn và tiền lợi nhuận cho số tiền góp vốn, anh L hứa vài ngày nữa sẽ chuyển nhưng không chuyển, sau đó chị có yêu cầu nhiều lần nhưng anh L cũng không thực hiện, lại né tránh không nghe điện thoại, đến khi nghe điện thoại thì trả lời là đã tiêu xài cá nhân hết và không còn tiền để trả cho chị.

Nay chị Trần Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu anh Trần Hữu L trả lại cho chị toàn bộ số tiền là 240.000.000đồng, yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Trần Hữu L được tổng đạt hợp lệ về việc thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng không đến Tòa án, không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị Ngọc T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Anh Trần Hữu L vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Trần Hữu L được triệu tập tham dự phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Hữu L.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

Theo Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Chị Trần Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu anh Trần Hữu L hoàn trả lại số tiền 240.000.000đồng mà chị đã chuyển vào tài khoản số 0103413190 tại Ngân hàng Đông Á chi nhánh Tiền Giang của anh L để góp vốn làm ăn. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị T có cung cấp cho Tòa án bản chính các chứng từ chuyển tiền vào tài khoản của anh Trần Hữu L, cụ thể là giấy nộp tiền ngày 08/11/2016 do anh Đoàn Thanh N (chồng chị T) chuyển số tiền 100.000.000đồng, giấy nộp tiền ngày 10/11/2016 do anh Đoàn Thanh N (chồng chị T) chuyển số tiền 100.000.000đồng và lệnh chi ngày 11/11/2016 do chị Trần Thị Ngọc T chuyển số tiền 40.000.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và gửi các tài liệu, chứng cứ do chị T cung cấp cho anh Trần Hữu L nhưng cho đến nay anh L vẫn không có văn bản nêu ý kiến hay phản đối các tài liệu do chị T cung cấp. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là những tình tiết, sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh.

Xét các tài liệu, chứng cứ của chị Trần Thị Ngọc T thì thấy rằng Giấy nộp tiền ngày 08/11/2016 có nội dung “Trần Thị Ngọc T góp vốn 50% đơn hàng gạch lát nền bóng kiếng”; Giấy nộp tiền ngày 10/11/2016 có nội dung “Trần Thị Ngọc T góp vốn 50% đơn hàng gạch lát sân con sâu MAC 200”; Lệnh chi ngày 11/11/2016 có nội dung “Góp vốn 50% đơn hàng gạch lát sân vỉa hè con sâu mác 200”. Như vậy có đủ cơ sở để xác định có việc chị T chuyển cho anh Trần Hữu L số tiền 240.000.000đồng như chị T trình bày. Theo chị T xác định thì chị và anh L hợp tác góp vốn với nhau nhưng chỉ thỏa thuận miệng, chị cũng có gặp trực tiếp anh L một lần để yêu cầu trả tiền thì anh L xác nhận đã nhận được tiền, hẹn vài ngày sẽ trả nên chị đồng ý, sau đó anh L không thực hiện và cũng không nghe điện thoại của chị nên chị mới khởi kiện và nay chỉ yêu cầu anh L hoàn trả lại cho chị số tiền chị đã chuyển cho anh L. Bị đơn Trần Hữu L không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nên có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định anh L có nhận tiền và chưa hoàn trả cho chị T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị Thi là hợp pháp và phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí*: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 688, Điều 166; khoản 1, 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Ngọc T.

1. Buộc anh Trần Hữu L trả lại cho chị Trần Thị Ngọc T số tiền 240.000.000đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp anh L chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. *Về án phí*: Anh Trần Hữu L phải chịu là 12.000.000đồng.

Hoàn tạm ứng án phí cho chị Trần Thị Ngọc T số tiền 6.000.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009067 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3. *Về quyền kháng cáo*: Chị Trần Thị Ngọc T, anh Đoàn Thanh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Hữu L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Bảnh